

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2017

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Nguyễn Văn Dũng** – Cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Cai Lay.

2/ Bà: **Nguyễn Thị Thúy Vân** – Hội viên Hội luật gia phường 1, thị xã Cai Lay.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Lê Quế Thanh** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Trọng Vị N**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:* Do mai mối chị S và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 11 năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 08/12/2003, do UBND xã Tân Phú, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp. Sau khi cưới về sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, ngoài ra anh N có quan hệ ngoại tình người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2009 cho đến nay. Nay chị S yêu cầu xin được ly hôn với anh N vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Trọng Gia H, sinh ngày 02/01/2004. Về con chung hiện do anh N nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly

hôn thì chị S cũng đồng ý tiếp tục giao cháu H cho anh N nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Trọng Vị N dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về *quyuan hệ tranh chấp*: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

- Về *yêu cầu của nguyên đơn*: Yêu cầu xin được ly hôn với anh Ngô Trọng Vị N. Xét thấy, chị S và anh N về sống chung với nhau vào tháng 11 năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 08/12/2003, do UBND xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp. Trong quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, ngoài ra anh N có quan hệ ngoại tình người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên, chị S và anh N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2009 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh N, vì cho rằng vợ chồng ly thân đã lâu tình cảm không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Còn anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh N đến để hòa giải về việc chị S xin ly hôn với anh N. Nếu như về tình cảm vợ chồng anh N muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh N phải đến Tòa án để gặp chị S, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không, nhưng phía anh N không đến, thể hiện anh N không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị S nữa. Hơn nữa, giữa chị S và anh N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2009 đến nay đã trên 08 năm, nhưng không đoàn tụ lại được. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S và cho chị Trần Thị S được ly hôn với Ngô Trọng Vị N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Trọng Gia H, sinh ngày 02/01/2004. Nếu ly hôn chị S đồng ý tiếp tục giao cháu H cho anh N nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H hiện do anh N nuôi dưỡng từ khi chị S và anh N ly thân nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, theo chị S cho rằng anh N nuôi con cũng đảm bảo tốt về mọi mặt và qua tham khảo lời khai của cháu H cũng có nguyện vọng xin được sống chung với anh N, khi chị S và anh N ly hôn nhau; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở giao cháu Ngô Trọng Gia H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị S đồng ý giao con cho anh N nuôi, nhưng

không cấp dưỡng; còn phía anh N thì không có ý kiến gởi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết, nếu sau này anh N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Theo chị S khai không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết, nếu sau này anh N cho rằng vợ chồng có tài sản chung và có tranh chấp với nhau, thì anh N được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- *Về án Phí*: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

- Việc vắng mặt bị đơn anh Ngô Trọng Vị N. Xét thấy, bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S. Cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Ngô Trọng Vị N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Ngô Trọng Gia H, sinh ngày 02/01/2004 cho anh N nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do phía anh N chưa có yêu cầu; chị S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000718 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị S đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Ngô Trọng Vị N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THAD thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Tại: trụ sở TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Nguyễn Văn Dũng** – Cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Cai Lậy.

2/ Bà: **Nguyễn Thị Thúy Vân** – Hội viên Hội luật gia phường 1, thị xã Cai Lậy.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Trọng V**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bắc, xã Tân Phú, thò xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử đã thảo luận, biểu quyết: thống nhất 3/3

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S. Cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Ngô Trọng V.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Ngô Trọng Gia H, sinh ngày 02/01/2004 cho anh N nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do phía anh N chưa có yêu cầu; chị S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000718 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị S đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Ngô Trọng V thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 50 phút, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

